

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày tháng năm 2026 của Sở Y tế Nghệ An)

DVT: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Sở Y tế	Bệnh viện Phổi	Bệnh viện Tâm thần	Bệnh viện Mắt	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	Trung tâm Giám định y khoa
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí									
I	Số thu phí	1,900	1,900							1,900
1	Phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa	1,900	1,900							1,900
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	1,805	1,805							1,805
III	Số phí nộp ngân sách nhà nước	95	95							95
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1,128,043	1,121,543	37,420	1,350	41,352	405	59,732	9,046	3,670
I	Nguồn ngân sách trong nước			37,420	1,350	41,352	405	59,732	9,046	3,670
1	Chi quản lý hành chính	21,087	21,087	21,087	0					
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	19,239	19,239	19,239						
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1,848	1,848	1,848						
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	7,242	7,242	6,942	0	0	0	0	0	300
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ									
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng									
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	7,242	7,242	6,942						300
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	1,066,050	1,059,550	7,601	1,350	41,352	405	59,732	9,046	3,370
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	780,469	780,469	451		38,576		41,983	7,128	2,750
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	285,581	279,081	7,150	1,350	2,776	405	17,749	1,918	620
4	Chi bảo đảm xã hội	33,664	33,664	1,790	0	0	0	0	0	0
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	16,572	16,572							
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	17,092	17,092	1,790						

ĐVT: triệu đồng

Trung tâm Pháp y	Trung tâm Bảo trợ xã hội	Trung tâm Công tác xã hội	Quỹ Bảo trợ trẻ em	Làng trẻ em SOS Vinh	Trung tâm y tế TP Vinh	Trung tâm y tế Hưng Nguyên	Trung tâm y tế Nam Đàn	Trung tâm y tế Nghi Lộc	Trung tâm y tế Diễn Châu	Trung tâm y tế Đô Lương	Trung tâm y tế Thanh Chương	Trung tâm y tế Anh Sơn
2,944	14,566	8,779	5,863	2,666	58,657	41,080	36,796	35,800	51,960	43,624	66,348	43,065
2,944	14,566	8,779	5,863	2,666	58,657	41,080	36,796	35,800	51,960	43,624	66,348	43,065
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2,944	0	0	0	0	58,657	41,080	36,796	35,800	51,960	43,624	66,348	43,065
2,173					46,318	28,085	28,750	29,518	42,242	36,274	57,043	34,186
771					12,339	12,995	8,046	6,282	9,718	7,350	9,305	8,879
0	14,566	8,779	5,863	2,666	0	0	0	0	0	0	0	0
	7,356	5,367	3,849									
	7,210	3,412	2,014	2,666								

[illegible][illegible]